

Bản án số: 09/2022/HS-PT

Ngày: 11 - 02 - 2022.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hùng Long.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Hải và ông Nguyễn Đức Thủy.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 100/2021/TLPT-HS ngày 09 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo Trịnh Thị Như T, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 87/2021/HS-ST ngày 03/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hà Nam.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: Trịnh Thị Như T - sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị O; có chồng là Đinh Văn V và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam: Không. Hiện bị cáo áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- Những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị:

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Công ty Cổ phần xi măng T; địa chỉ: thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Hà Nam; người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Văn T- chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; người đại diện theo ủy quyền; Ông Lê Đức N- chức vụ: Phó Trưởng phòng Hành chính nhân sự; vắng mặt.

+ Ông Phạm Văn M, sinh năm 1970; chị Phạm Thị H, sinh năm 1992 và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1972; đều trú tại: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1992 và bà Trần Thị M, sinh năm 1971; đều trú tại: Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

+ Ông Trịnh Văn D, sinh năm 1969; trú tại: Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

+ Ông Trần Văn T, sinh năm 1963; trú tại: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

+ Anh Đỗ Ngọc B, sinh năm 1980; trú tại: SN 38C, tổ 1, đường N, phường B, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

+ Chị Đinh Thị S, sinh năm 1966; trú tại: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2015, Công ty Cổ phần Xi măng T (sau đây viết tắt là Công ty T) ký hợp đồng với nhà thầu SINOMA xây dựng dây chuyền sản xuất số 4, 5. Để đảm bảo an ninh trật tự trong công ty và khu vực thi công, ngày 04/2/2015, Công ty T ban hành nội quy ra vào Công ty và quy định cấp thẻ ra, vào cổng, vé xe lưu hành trong nhà máy, quy định về việc công nhân của công ty và các nhà thầu phải để phương tiện cá nhân tại vị trí cổng của công ty trong quá trình làm việc tại công ty. Theo đó, Phòng hành chính nhân sự lập danh sách và cấp vé xe được lưu thông trong nhà máy cho 91 người có tên trong danh sách mới được mang phương tiện cá nhân vào sát vị trí làm việc. Vé xe của công ty được Phòng hành chính nhân sự in tại công ty trên giấy màu xanh, đóng dấu đỏ của công ty trên mỗi vé xe, sau khi làm xong sẽ cấp cho những trường hợp có tên trong danh sách. Công ty không thuê, mượn cơ sở in ấn giấy tờ, tài liệu nào ở bên ngoài công ty làm những chiếc vé xe nêu trên. Khoảng tháng 12 năm 2020, Đặng Văn S làm thợ hàn cho nhà thầu SINOMA làm việc trong khuôn viên của Công ty T, nhưng không thuộc diện được cấp vé xe để lưu thông trong nhà máy của công ty. Do phải đi bộ từ cổng vào đến chỗ làm mất nhiều thời gian (khoảng 15-30 phút) nên S đã nảy sinh ý định làm vé xe giả để được điều khiển xe trong nhà máy của công ty và bán cho một số công nhân không thuộc diện được cấp vé để kiếm lời, tiêu xài cá nhân. Với mục đích như trên, trong khoảng từ giữa tháng 12 năm 2020 đến tháng 2 năm 2021, S đã nhiều lần đến quán photocopy M có địa chỉ tại thôn P, xã T, huyện L, tỉnh Hà Nam do Trịnh Thị Như T làm chủ, thuê T làm giả một số chiếc vé xe của Công ty T. Lúc đầu, T không đồng ý, nhưng do S nhờ nhiều lần nên T đồng ý làm giả vé xe cho S và thu của S từ 30.000 đồng đến 50.000 đồng/01 vé. Cách thức làm giả như sau: T scan lại mẫu vé xe thật của Công ty T vào máy tính và dùng phần mềm photoshop để chỉnh sửa, còn S cung cấp thông tin chủ xe, thông tin xe để T nhập vào mẫu vừa tạo rồi in màu ra. Sau khi lấy vé xe giả từ T, S đã sử dụng cho bản thân và mang bán cho một số công

nhân làm việc trong khu vực nhà máy của công ty với giá từ 350.000 đồng đến 500.000 đồng/01 vé. Cụ thể: Khoảng giữa tháng 12 năm 2020 S đã mượn được một vé thật của một công nhân làm trong công ty T, vé xe có dấu đỏ của Công ty T, sau đó mang ra quán photocopy M và thuê T làm giả 01 vé xe tương tự với thông tin trên vé xe là tên của S và biển số xe của S. Sau khi làm xong, S trả cho T 50.000 đồng tiền công. S sử dụng vé xe giả đó để điều khiển xe mô tô cá nhân ra vào Công ty T và không bị bảo vệ công ty phát hiện, sau đó S làm mất vé. Đến khoảng cuối tháng 12 năm 2020, ông Phạm Văn M, trú tại thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Hà Nam đi nhờ xe mô tô của S từ trong Công ty T ra cổng, S có hỏi ông M có muốn làm vé xe không thì ông M đồng ý. Ông M cung cấp họ tên và biển số xe mô tô của mình là 90AB-076.06 cho S để làm vé xe. Sau đó, S đến cửa hàng photocopy M, thuê T làm giả vé xe theo các thông tin mà ông M cung cấp và trả cho T 50.000 đồng tiền công, rồi gọi điện hẹn gặp ông M để đưa vé xe và thu của ông M số tiền 500.000 đồng. Ông M sử dụng chiếc vé xe đó để ra vào Công ty T được một thời gian thì bị bộ phận bảo vệ của công ty phát hiện thu giữ. Ngày 06/01/2021, chị Phạm Thị H, trú tại thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Hà Nam là công nhân của nhà thầu SINOMA làm việc trong Công ty T, nhìn thấy một số công nhân điều khiển xe mô tô cá nhân vào chỗ làm, nên đã hỏi ông Phạm Văn M thì ông M giới thiệu với chị H là S làm được vé xe để ra vào công ty với giá 500.000 đồng một vé. Sau đó, chị H gặp S để nhờ làm vé xe thì S đồng ý, rồi cung cấp họ tên và biển số xe 90B2-672.86 cho S. S tiếp tục thuê T làm vé xe với các thông tin chị H cung cấp, đến sáng ngày 07/01/2021, S gọi điện thoại cho chị H hẹn ra cổng công ty để lấy vé xe và thu của chị H số tiền 500.000 đồng. Chị H sử dụng vé xe này để ra vào Công ty T được khoảng 01 tháng thì bộ phận bảo vệ của công ty phát hiện và thu giữ do vé xe của chị H sử dụng không đúng, không có chữ ký so với mẫu vé xe của công ty. Sau đó, chị H gọi điện thoại cho S nói về sự việc trên, thì S bảo sẽ làm lại cho chị H chiếc vé xe khác. S lại thuê T làm chiếc vé xe khác rồi mang đưa cho chị H, nhưng không lấy tiền. Chị H sử dụng chiếc vé xe này đến ngày 23/02/2021 thì bị bộ phận bảo vệ của công ty phát hiện thu giữ.

Sau khi biết S làm được vé xe cho chị H, chị Nguyễn Thị M, trú tại thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Hà Nam là công nhân của nhà thầu SINOMA làm việc tại Công ty T đã xin chị H số điện thoại của S để gọi điện nhờ S làm vé xe. S đồng ý và hẹn gặp chị M ở cổng công ty, ghi lại họ tên và chụp biển số xe BKS 90H3-5713 của chị M rồi thuê T làm giả chiếc vé xe cho chị M. Khoảng hai ngày sau, S gọi điện cho chị M bảo ra cổng công ty, đưa vé xe có đầy đủ các thông tin cá nhân, biển số xe của chị M và thu của chị M số tiền 500.000 đồng. Chị M sử dụng chiếc vé xe này được khoảng 15 ngày thì bị lực lượng bảo vệ công ty thu giữ vé vì chị M không có tên trong danh sách những người được đi xe cá nhân vào trong nhà máy. Sau đó, chị M gọi điện thoại báo S, thì S bảo sẽ làm lại vé xe khác cho chị M. S thuê T làm lại chiếc vé xe với các thông tin như cũ, rồi đưa lại cho chị M và thu thêm của chị M số tiền 50.000 đồng. Chị M sử dụng chiếc vé

sau S đưa được khoảng một tháng thì bị bộ phận bảo vệ công ty phát hiện thu giữ vé.

Ngày 15/01/2021 bà Trần Thị M, trú tại thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Hà Nam là công nhân của nhà thầu SINOMA làm việc tại Công ty T, thông qua chị Phạm Thị H nhờ S làm 01 chiếc vé xe với thông tin cá nhân và biển số xe BKS 90H6-0272 của bà M. Sau khi S nhờ T làm giả vé xe cho bà M, S đưa vé xe cho chị H để đưa lại cho bà M. Chị H thu của bà M số tiền 500.000 đồng rồi đưa lại toàn bộ số tiền cho S. Bà M sử dụng vé xe đến ngày 15/2/2021 thì bị bảo vệ của công ty phát hiện thu giữ vé. Sau đó, S thuê T làm lại cho bà M 01 chiếc vé xe khác và không thu tiền. Bà M sử dụng chiếc vé xe thứ 2 được vài ngày thì tiếp tục bị công ty phát hiện thu giữ. Ngoài ra trong khoảng thời gian từ tháng 01/2021 đến tháng 02/2021, S đã làm vé xe giả cho một số công nhân khác để sử dụng lưu thông xe cá nhân trong Công ty T, gồm: Ông Trịnh Văn D, trú tại thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Hà Nam đã thông qua chị H nhờ S làm 02 vé xe với giá 400.000 đồng để sử dụng và đều bị công ty thu giữ; ông Trần Văn T, trú tại: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Hà Nam nhờ S làm 01 vé xe với giá 500.000 đồng, sử dụng được 02 ngày thì bị công ty thu giữ; anh Đỗ Ngọc B, trú tại phường B, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa nhờ S làm 01 vé xe với giá 500.000 đồng, sử dụng được khoảng 01 tháng thì bị công ty thu giữ; bà Nguyễn Thị P, trú tại thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Hà Nam, ngày 19/02/2021 đưa cho S 500.000 đồng làm 01 vé xe, sử dụng đến ngày 23/02/2021 thì bị công ty phát hiện thu giữ; chị Đinh Thị S, trú tại thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Hà Nam vào khoảng giữa tháng 02/2021 nhờ S làm 01 vé xe với giá 500.000 đồng, sau đó chị S sử dụng vé xe được một thời gian thì nghỉ việc nên đã vứt bỏ chiếc vé xe đó.

Ngày 22/2/2021 Công ty T đã có công văn trình báo vụ việc trên tới Công an huyện L, tỉnh Hà Nam. Cơ quan CSĐT Công an huyện L đã tiến hành điều tra, thu thập chứng cứ và thu giữ: 15 chiếc vé xe bị bộ phận bảo vệ của Công ty T thu giữ và giao nộp, được niêm phong ký hiệu M1 (gồm 03 vé xe mang tên Phạm Thị H, 02 vé xe mang tên Nguyễn Thị M, 02 vé xe mang tên Trịnh Văn D, 02 vé xe mang tên Trần Thị M, 01 vé xe mang tên Đỗ Ngọc B, 01 vé xe mang tên Nguyễn Thị P, 01 vé xe mang tên Trần Văn T, 01 vé xe mang tên Phạm Văn M, 01 vé xe mang tên Trần Thị Q, 01 vé xe mang tên Tạ Thị T); danh sách những trường hợp của nhà thầu SINOMA được Công ty T cấp vé xe; biên bản làm việc của Công ty T với bà Nguyễn Thị M, mẫu dấu tròn đỏ và mẫu vé xe của Công ty T do đại diện công ty giao nộp.

01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 màu trắng, đã qua sử dụng, màn hình bị nứt vỡ, do Đặng Văn S tự nguyện giao nộp; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A5S màu đỏ đã qua sử dụng do chị Phạm Thị H tự nguyện giao nộp; 01 cây máy tính nhãn hiệu Dell Optilex3020intel core I5; 01 màn hình máy tính, màu đen, nhãn hiệu 10C LCD MONITOR số seri AL: NO610A4BA000652; 01 máy tính in nhãn hiệu Canon Pixma màu đen; 01 giấy chứng nhận đăng ký kinh

doanh số 06E 8002915; 01 giấy chứng nhận đủ điều kiện ANTT để làm ngành nghề kinh doanh có điều kiện số 2509; 01 căn cước công dân mang tên Trịnh Thị Như T; 24 tờ giấy màu xanh da trời khổ A4; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo do Trịnh Thị Như T giao nộp.

Cơ quan CSĐT Công an huyện L tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Đặng Văn S, nhưng không thu giữ đồ vật tài liệu gì; khám xét nơi làm việc của Trịnh Thị Như T tại thôn P, xã T, huyện L thu giữ 01 máy scan màu đen nhãn hiệu EPSON Model J232C.

Ngày 24/02/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện L ra quyết định trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Nam giám định hình dấu, bản in để xác định mẫu dấu, mẫu vé trong 15 chiếc vé xe niêm phong ký hiệu M1 so sánh với 04 mẫu vé và 06 hình dấu của công ty cổ phần xi măng T có phải cùng một con dấu đóng ra và cùng các phương pháp in tương ứng hay không.

Tại bản Kết luận giám định số 04/PC09-TL ngày 03/3/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Nam kết luận: “1.Con dấu đóng ra hình dấu tròn có nội dung “CÔNG TY CP XI MĂNG THÀNH THẮNG GROUP” trên tài liệu mẫu ký hiệu M1, M2 không đóng ra hình dấu tròn có cùng nội dung trên tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A15.

2. Lớp in phần nội dung trên tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A11 và A15 so với lớp in phần nội dung trên tài liệu mẫu ký hiệu M1 không cùng phương pháp in tương ứng.

3. Lớp in phần nội dung trên tài liệu cần giám định ký hiệu A12, A13 và A14 so với lớp in phần nội dung trên tài liệu mẫu ký hiệu M1 có cùng phương pháp in tương ứng”.

Về trách nhiệm dân sự: Người đại diện hợp pháp của Công ty T xác định công ty không bị thiệt hại gì về vật chất, nên không yêu cầu Đặng Văn S, Trịnh Thị Như T bồi thường và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Trịnh Thị Như T. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có yêu cầu gì.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 87/2021/HS-ST ngày 03/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện L đã quyết định:

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 50; Điều 17; Điều 58; Điều 38 (đối với Đặng Văn S và Trịnh Thị Như T); điểm h khoản 1 Điều 52 (đối với Đặng Văn S); khoản 2 Điều 51 (đối với Trịnh Thị Như T) và Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 và 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên bố các bị cáo Đặng Văn S và Trịnh Thị Như T phạm tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

Xử phạt bị cáo Đặng Văn S 45 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù

tính từ ngày tạm giam 28/4/2021; Xử phạt bị cáo Trịnh Thị Như T 36 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo.

Ngày 15/11/2021 bị cáo Trịnh Thị Như T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo xin bổ sung nội dung kháng cáo, xin cải tạo không giam giữ.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tại phiên tòa: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trịnh Thị Như T. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 87/2021/HS-ST ngày 03/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện L đối với bị cáo Trịnh Thị Như T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đề nghị HĐXX xem xét hoàn cảnh bị cáo đang mang thai, nuôi con nhỏ, bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại kinh tế cho bị hại, phạm tội do cả tin thiếu hiểu biết. Gia đình có ông nội, bố để tham gia kháng chiến được Nhà nước tặng thưởng huân chương, huy chương, đề nghị HĐXX cho bị cáo được cải tạo không giam giữ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo Trịnh Thị Như T trong thời hạn luật định; nội dung bảo đảm đúng quy định tại khoản 2 Điều 332 của Bộ luật tố tụng hình sự. Như vậy, kháng cáo của bị cáo T là hợp lệ, được cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa, bị cáo Trịnh Thị Như T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản án sơ thẩm đã xác định. Lời khai của bị cáo là phù hợp với lời khai của bị cáo Đặng Văn S, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với vật chứng thu giữ, các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, đủ cơ sở để kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 12 năm 2020 đến tháng 02 năm 2021, Đặng Văn S đã nhiều lần thuê Trịnh Thị Như T là chủ quán photocopy M có địa chỉ thôn P, xã T, huyện L, tỉnh Hà Nam làm giả 16 chiếc vé xe của Công ty cổ phần xi măng T với giá từ 30.000 đồng đến 50.000 đồng/01 vé. Sau khi nhận vé xe giả từ T, S đã sử dụng cho bản thân và bán cho một số công nhân làm việc trong Công ty cổ phần xi măng T sử dụng để đi xe mô tô trong khu vực nhà máy Công ty với giá 350.000 đồng đến 500.000 đồng/01 vé, thu lời bất chính số tiền 4.450.000 đồng. Như vậy, với hành vi nhiều lần làm giả vé xe của Đặng Văn S và Trịnh Thị Như T đã phạm vào tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức*” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự. Bản án hình sự sơ

thẩm số 87/2021/HS-ST ngày 03/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện L xét xử là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo Đặng Văn S không có kháng cáo và không bị kháng nghị.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Trịnh Thị Như T nhận thấy: Bản thân bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, thành khẩn khai báo, đại diện của Công ty cổ phần xi măng T có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng.

Tại giai đoạn phúc thẩm bị cáo chứng minh gia đình có ông nội là Trịnh Văn Đ tham gia kháng chiến được tặng huy chương kháng chiến hạng nhất, bố đẻ là Trịnh Văn T được tặng huân chương kháng chiến hạng ba, bị cáo cho rằng bị cáo là con cháu thuộc trường hợp gia đình có công với nước để được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên căn cứ vào Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng số 02/2020/UBTVQH14 ngày 09/12/2020 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và quy định của Bộ luật Hình sự thì tài liệu chứng minh gia đình có công với cách mạng của bị cáo chỉ được hưởng là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cùng với tài liệu chứng minh bị cáo là phụ nữ đang mang thai và nuôi con nhỏ, những tình tiết này được cấp phúc thẩm ghi nhận bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo cho rằng phạm tội do thiếu hiểu biết và chưa gây thiệt hại kinh tế cho bị hại là Công ty cổ phần xi măng T. HĐXX phúc thẩm xét thấy mặc dù số tiền bị cáo chiếm hưởng không lớn 420.000 đồng nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến khách thể là trật tự quản lý hành chính Nhà nước, xâm phạm hoạt động bình thường, uy tín của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước về con dấu, tài liệu và giấy tờ và ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích vụ lợi, đã cố ý nhiều lần thực hiện làm giả trên 06 tài liệu nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Đối chiếu các quy định của Bộ luật Hình sự và Nghị quyết số 02/20218/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự về án treo thì bị cáo T không thuộc trường hợp được hưởng án treo. Tội danh bị cáo bị truy tố có khung hình phạt tù từ 3 năm đến 7 năm tù như vậy Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào tính chất, hành vi phạm tội, vai trò, nhân thân, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ và quyết định xử phạt bị cáo Trịnh Thị Như T 36 tháng tù, mức thấp nhất của khung hình phạt khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự là phù hợp quy định của pháp luật nên bị cáo xin cải tạo

không giam giữ là không có căn cứ được chấp nhận.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo Trịnh Thị Như T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị cáo Trịnh Thị Như T. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 87/2021/HS-ST ngày 03/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hà Nam đối với bị cáo T.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 2 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Bị cáo Trịnh Thị Như T 36 (*Ba mươi sáu*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, về tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Trịnh Thị Như T phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*).

3. Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Hà Nam;
- Tòa án huyện L;
- VKSND huyện L;
- Công an huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam;
- Bị cáo; đương sự;
- Lưu HS, Tòa hình sự, Bộ phận HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Hùng Long

